

Số: ~~1704~~/QĐ-UBND

TP. Thái Bình, ngày 22 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Xây dựng Khu nhà ở liên kế cho cán bộ Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Thái Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Thái Bình về việc ban hành quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh Thái Bình về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Thái Bình về việc ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh về quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 10/7/2015 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở liên kế cho cán bộ Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Thái Bình; Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở liên kế cho cán bộ Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Công văn số 2374/UBND-CTXDGT ngày 06/7/2016 của UBND tỉnh Thái Bình về việc bổ sung tuyến đường số 2 thuộc quy hoạch chi tiết khu nhà ở liên kế cho cán bộ Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Thái Bình; Công văn số 3776/UBND-CTXDGT ngày 15/10/2018 của UBND tỉnh Thái Bình về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án phát triển nhà ở: Khu nhà ở liên kế cho cán bộ Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh Thái Bình về việc hỗ trợ khác để giải phóng mặt bằng; Công văn số 656/UBND-NN ngày 22/4/2011 của UBND tỉnh Thái Bình về việc hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp;

Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình tại Tờ trình số 27/TTr-PTQĐ ngày 21/3/2019 về việc thẩm định, phê duyệt phương án

bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án: Xây dựng Khu nhà ở liên kế cho cán bộ Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Thái Bình; Đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố tại Báo cáo số 59/BC-TNMT ngày 17/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng Khu nhà ở liên kế cho cán bộ Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Thái Bình, với tổng số tiền là: 337.125.096 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng).

Cụ thể như sau:

- | | |
|---|-------------------|
| 1. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ: | 330.514.800 đồng. |
| +) Bồi thường, hỗ trợ về đất: | 65.856.000 đồng; |
| +) Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: | 91.690.200 đồng; |
| +) Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: | 50.715.000 đồng; |
| +) Hỗ trợ khác theo Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 04/5/2015 của UBND tỉnh Thái Bình: | 122.253.600 đồng. |

(Có phương án chi tiết kèm theo)

- | | |
|-------------------------------------|-----------------|
| 2. Kinh phí tổ chức thực hiện GPMB: | 6.610.296 đồng. |
|-------------------------------------|-----------------|

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Vũ Chính thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án được duyệt và thanh quyết toán theo quy định.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên công thông tin điện tử thành phố Thái Bình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vũ Chính, Trưởng các phòng, ban, đơn vị và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch, các Đ/c PCT UBND T.Phố;
- Lưu: VT, TNMT.

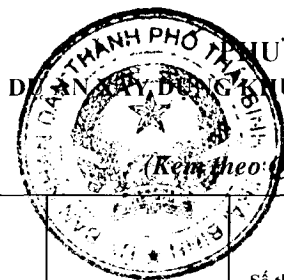
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Gia Dũng



**HƯỚNG AN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
DIỆN XÂY DỰNG NHÀ Ở LIÊN KẾ CHO CÁN BỘ BỘ CHỈ HUY BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG TỈNH THÁI BÌNH**

(Kèm theo Quyết định số: 1704/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND Thành phố)

| STT | Hộ gia đình, cá nhân | Địa chỉ thôn | Số thửa thuộc tờ BĐ số 5 | Loại đất | Diện tích bồi thường, hỗ trợ (m ²) | Bồi thường, hỗ trợ về đất và các khoản hỗ trợ | | | | Tổng tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|--------------|--------------------------|----------|--|---|---|--|--|--------------------|-------------------------------------|
| | | | | | | Bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng) | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng) | Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (đồng) | Hỗ trợ khác theo Công văn số 1346/UBND-NNTNMT (đồng) | | |
| A | B | C | D | E | G | H= Gx 42.000 x 1,0 | I= Gx42.000 x 1,5 | M= KxLx30 x12.250 | N=Gx84.000 | P=H+I+M+N +O | R |
| 1 | Phan Thị Hến | Hòa Hải | 264 | LUC | 48,7 | 2.045.400 | 3.068.100 | - | 4.090.800 | 9.204.300 | |
| 2 | Vũ Thị Phệ | Hòa Hải | 325 | LUC | 46,0 | 1.932.000 | 2.898.000 | - | 3.864.000 | 8.694.000 | |
| 3 | Phạm Văn Lê Vũ Thị Bông | Hòa Hải | 428 | LUC | 327,8 | 13.767.600 | 20.651.400 | 11.025.000 | 27.535.200 | 72.979.200 | |
| 4 | Phùng Công Cầm Vũ Thị Thêu | Hòa Hải | 484 | LUC | 324,9 | 13.645.800 | 20.468.700 | 13.230.000 | 27.291.600 | 74.636.100 | |
| 5 | Nguyễn Văn Cháp Nguyễn Thị Thanh | Hòa Hải | 485 | LUC | 260,3 | 10.932.600 | 16.398.900 | 15.435.000 | 21.865.200 | 64.631.700 | |
| 6 | Phạm Xuân Đối Phạm Thị Ánh | Hòa Hải | 486 | LUC | 2,2 | 92.400 | 138.600 | - | 184.800 | 415.800 | |
| 7 | Đặng Ngọc Châu Nguyễn Thị Oanh | Hòa Hải | 487 | LUC | 68,3 | 2.868.600 | 4.302.900 | - | 5.737.200 | 12.908.700 | |
| 8 | Nguyễn Thị Mạc | Hòa Hải | 563 | LUC | 310,4 | 13.036.800 | 19.555.200 | 11.025.000 | 26.073.600 | 69.690.600 | |
| 9 | Phạm Xuân Thiệu Hoàng Thị Thiện | Đông Hải | 427 | LUC | 66,8 | 2.805.600 | 4.208.400 | - | 5.611.200 | 12.625.200 | |
| 10 | UBND xã Vũ Chính | | | | 35,8 | 1.503.600 | | - | | 1.503.600 | |
| | | | | | 76,8 | 3.225.600 | | - | | 3.225.600 | (Phần DT chênh lệch cân đối cho UB) |
| | Tổng | | | | 1.568,0 | 65.856.000 | 91.690.200 | 50.715.000 | 122.253.600 | 330.514.800 | |